|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN NGỮ VĂN LỚP 7** |
| Họ và tên HS:..................................... | Lớp 7/......  |

**TUẦN 22, TIẾT 81**

 **BÀI : TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Giới thiệu chung**

a)Tác giả, tác phẩm

- Tác giả: Hồ Chí Minh, người chiến sĩ cách mạng, anh hùng giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là nhà văn, nhà thơ lớn. Là danh nhân văn hóa thế giới.

- Văn bản: Được trích từ văn kiện, báo cáo chính trị do Chủ Tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội lần II của Đảng Lao Động Việt Nam. (Nay là Đảng CSVN) tại Việt Bắc 1951.

b)Thể loại: Nghị luận

**2.Tìm hiểu văn bản**

a)Bố cục:

- Phần 1: Từ đầu đến “ lũ cướp nước” - Nhận định chung về lòng yêu nước.

- Phần 2: Tiếp theo đến “ lòng nồng nàn yêu nước” – Biểu hiện của lòng yêu nước.

- Phần 3: Còn lại – Nhiệm vụ của Đảng trong việc phát huy tinh thần yêu nước.

b) Xác định luận điểm**:**  Tinh thần yêu nước của nhân dân ta

**3.Phân tích**

 **a)Nhận định chung về lòng yêu nước:**

- Lòng yêu nước của dân ta rất “ *nồng nàn*”. Đó là *một truyền thống quý báu* của dân tộc ta.

- Lòng yêu nước có sức mạnh *vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước*.
-> Với cảm xúc tự hào, tác giả đã ca ngợi và khẳng định sức mạnh lòng nồng nàn yêu nước của dân ta trong trường kì lịch sử : *Từ xưa đến nay*, trong tình thế hiểm nghèo “ *mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng*” .Tinh thần yêu nước là sức mạnh để ta chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**b) Những biểu hiện của lòng yêu nước:**

- Trong quá khứ của dân tộc:

+ Đó là những trang sử vẻ vang gắn liền với chiến công của Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung…

+ Thủ pháp liệt kê với hàng loạt dẫn chứng vừa khái quát, vừa điển hình cùng cảm xúc dào dạt… cho thấy niềm tự hào của tác giả về truyền thống yêu nước của cha ông trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước.

- Trong kháng chiến chống thực dân Pháp: Lòng yêu nước được phát huy cao độ:

+Nhiều thành phần tham gia kháng chiến: (từ cụ già đến em nhỏ, từ nhân dân miền ngược đến nhân dân miền xuôi…)

+Lòng yêu nước thể hiện trên mọi mặt trận, mọi lĩnh vực, từ tiền tuyến đến hậu phương.

+ Lòng yêu nước được biểu hiện cụ thể với nhiều hành động khác nhau: ( nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, khuyên chồng con tòng quân…)

=> Bằng những nhận xét từ khái quát đến cụ thể, bằng những dẫn chứng tiêu biểu, điển hình, các sự việc và con người được liên kết theo mô hình “ từ… đến” một cách chặt chẽ, tác giả đã làm sáng tỏ lòng nồng nàn yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc và nhiệt tình tham gia kháng chiến cứu nước của nhân dân ta.

**c) Nhiệm vụ**

- Giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

**4.Tổng kết:**

**a) Nghệ thuật :**

-Xây dựng luận điểm ngắn gọn, súc tích; lập luận chặt chẽ; dẫn chứng cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục.

- Sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, phép liệt kê, so sánh đặc sắc.

- Bài văn là một mẫu mực về lập luận, bố cục và cách dẫn chứng của thể văn nghị luận.

**b) Nội dung:**

-Khẳng định một chân lí: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta”

-Lòng yêu nước cần được phát huy trong mọi hoàn cảnh lịch sử, đặc biệt là ngày nay để xây dựng và bảo vệ đất nước.

**II. BÀI TẬP**

**1.Tìm đọc những tác phẩm văn học viết về tinh thần yêu nước của nhân dân ta.**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Viết một đoạn văn theo lối liệt kê khoảng 4 đến 5 câu có sử dụng mô hình liên kết "từ ...đến "** .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 82**

**BÀI CÂU ĐĂC BIỆT**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Thế nào là câu đặc biệt**?

\* Là loại câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ, vị ngữ.

\*VD: *- Ôi, em Thuỷ*! -> Không phải là câu rút gọn vì không thể khôi phục được thành phần lược bỏ. Đó là câu đặc biệt vì không thể xác định được CN và VN.

**2.Tác dụng của câu đặc biệt**:

\* Xác định thời gian: *Một đêm mùa xuân.* Trên dòng sông êm ả, cái đò cũ của bác tài Phán từ từ trôi.

\* Liệt kê, hiện tượng: Đoàn người nhốn nháo lên. *Tiếng reo. Tiếng vỗ tay.*

\* Bộc lộ cảm xúc: *“Trời ơi!”* Cô giáo tái mặt và nước mắt giàn giụa.

\* Gọi đáp:

 An gào lên:

*-Sơn ! Em Sơn! Sơn ơi!*

**II. BÀI TẬP**

**1.Bài tập 1(SGK/29)** Tìm câu đặc biệt và câu rút gọn trong các ví dụ dưới đây:

a) Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương[7], trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

b) Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp răng rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoắt cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây…Bốn giây…Năm giây…Lâu quá !

c) Sóng ầm ầm đập vào những tảng đá lớn ven bờ. Gió biển thổi lồng lộng. Ngoài kia là ánh đèn sáng rọi của một con tàu. Một hòi còi.

d) Chim sâu hỏi chiếc lá:

-Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!

- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Mỗi câu đặc biệt và rút gọn em vừa tìm được trong bài tập 1 có tác dụng gì ?**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3.Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 - 7 câu) tả cảnh quê hương em, trong đó có 1 hoặc 2 câu đặc biệt.**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 83**

**BÀI : BỐ CỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận**

 Bố cục bài văn nghị luận gồm có 3 phần

-Mở bài: Nêu vấn đề có ý nghĩa đối với đời sống xã hội (luận điểm xuất phát, tổng quát)

-Thân bài: Trình bày nội dung chủ yếu của bài ( có thể gồm nhiều đoạn nhỏ, mỗi đoạn có một luận điểm phụ)

-Kết bài: nêu kết luận nhằm khẳng định tư tưởng, thái độ, quan điểm của bài.

**2.Phương pháp lập luận:**

**Để xác lập luận điểm trong từng phần và mối quan hệ giữa các phần, người ta có thể sử dụng các phương pháp lập luận khác nhau như :**

-Suy luận nhân quả

-Suy luận tổng-phân-hợp

-Suy luận tương đồng

**II. BÀI TẬP**

**Bài tập (SGK/31) Đọc văn bản “Học cơ bản mới có thể trở thành tài lớn” ( SGK Ngữ văn 7, tập 2, trang 31) và thực hiện các yêu cầu:**

**1.Bài văn nêu lên tư tưởng gì ?**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Tư tưởng ấy thể hiện ở những luận điểm nào ?**

.................................................................................................................................................................................................................................................................…………………………………......................................................................................................................................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3.Tìm những câu văn mang luận điểm ?**

.................................................................................................................................................................................................................................................................…………………………………...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 83**

 **BÀI : LUYỆN TẬP VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Lập luận trong đời sống:**

\*Lập luận là đưa ra luận cứ nhằm dẫn dắt người nghe, người đọc đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận, mà kết luận đó là tư tưởng (quan điểm, ý định) của người nói, người viết.

\* Tìm hiểu các bài tập SGK/ 32-33:

**-** Bài tập1: Luận cứ và kết luận có mối quan hệ chặt chẽ

- Bài tập 2: Mỗi kết luận có thể có nhiều luận cứ khác nhau, miễn là hợp lý

- Bài tập 3: Một luận cứ có thể có nhiều kết luận khác nhau, miễn là hợp lý

**2.Lập luận trong văn nghị luận:**

\*Lập luận trong văn nghị luận chính là xác định luận điểm và tìm luận cứ cho bài văn rồi lựa chọn phương pháp lập luận phù hợp.

\*Luận điểm trong văn nghị luận là những kết luận có tính khái quát, có ý nghĩa phổ biến đối với xã hội.

\* Luận cứ là những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục dùng để thuyết minh cho luận điểm.

\*Lựa chọn phương pháp lập luận phù hợp là cách thức lựa chọn, sắp xếp các luận điểm, luận cứ sao cho chặt chẽ, hợp lí và thuyết phục.

\* VD: Với đề bài lập luận cho luận điểm "Sách là người bạn lớn của con người", có thể đặt ra những câu hỏi như sau và trả lời:

- Vì sao lại nói "Sách là người bạn lớn của con người"? Vì sách rất có ích đối với con người. Để thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ và phát triển cho tâm hồn, không gì thay thế được việc đọc sách

- Ích lợi của sách đối với đời sống con người thể hiện cụ thể ở những phương diện nào?

- Nhận rõ ích lợi to lớn của sách như vậy, chúng ta sẽ làm gì? (Đọc những sách gì và đọc như thế nào cho tốt?)

 **II. BÀI TẬP**

 **Bài tập (SGK/34) Em đã học truyện ngụ ngôn : Thầy bói xem voi và Ếch ngồi đáy giếng. Từ mỗi truyện ấy, hãy rút ra một kết luận thành luận điểm và lập luận cho luận điểm đó.**

-Thầy bói xem voi

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

-Ếch ngồi đáy giếng

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 22, TIẾT 84**

**BÀI THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Đặc điểm của trạng ngữ**

\* Là thành phần phụ, bổ sung ý nghĩa về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, cách thức, phương tiện...diễn ra sự việc nêu ra trong câu.

VD: (1) *Dưới bóng tre xanh, Đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người đời đời, kiếp kiếp.*

*Trạng ngữ:*

- *Dưới bóng tre xanh* => bổ sung về: địa điểm

 - *Đã từ lâu đời* => bổ sung về thời gian

\* Vị trí: Trạng ngữ có thể đặt trước chủ ngữ ( đầu câu), giữa chủ ngữ với vị ngữ (giữa câu) hoặc cuối câu.

*(2) Nhanh như cắt*, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước.

*(3)* Các anh hùng liệt sĩ đã anh dũng chiến đấu, hi sinh đến giọt máu cuối cùng *để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.*

\*Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói và dấu phẩy khi viết.

**II. BÀI TẬP**

**1.Bài tập 1(SGK/39) Bốn câu sau đều có cụm từ “mùa xuân”. Hãy cho biết trong câu nào cụm từ “mùa xuân” là trạng ngữ? Trong những câu còn lại, cụm từ “mùa xuân” đóng vai trò gì?**

a) Mùa xuân của tôi – mùa xuân của Bác Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh…

b) Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim.

c) Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân.

d) Mùa xuân ! Mỗi khi họa mi tung ra những tiếng hót vang lừng, mọi vật như có sự đổi thay kì diệu.

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Bài tập 2 (SGK/40) Tìm trạng ngữ trong đoạn trích sau:**

Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúc càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.

 (Thạch Lam, *Một thứ quà của lúa non: Cốm*)

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3.Bài tập 3 (SGK/40) Phân loại các trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 2**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 23, TIẾT 85**

**TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Mục đích và phương pháp chứng minh**

-Trong cuộc sống muốn khẳng định một điều gì đó thì ta cần chứng minh.

-Trong văn bản nghị luận chứng minh là một phép lập luận dùng những lý lẽ, bằng chứng chân thực đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm mới (cần được chứng minh) là đáng tin cậy.

-Các lý lẽ, bằng chứng dùng trong phép lập luận chứng minh phải được lựa chọn, thẩm tra, phân tích thì mới có sức thuyết phục.

**2.Cách làm bài văn lập luận chứng minh:**

\*Các bước làm bài văn lập luận chứng minh:

**a/Tìm hiểu đề và tìm ý**:

-Xác định yêu cầu chung của đề, từ đó cho biết đề bài khẳng định điều gì.

-Chứng minh điều mà đề bài khẳng định bằng hai cách lập luận: nêu dẫn chứng xác thực và nêu lý lẽ.

**b/Lập dàn bài:**

-Mở bài: nêu vai trò quan trọng, ý nghĩa hoặc tính đúng đắn như một chân lý của đề ra và trích đề bài

-Thân bài: Lập luận bằng hai cách:

+Nêu lý lẽ của vấn đề cần chứng minh.

+Nêu dẫn chứng thực tế

c/Kết bài: Khẳng định lại vấn đề cần chứng minh, rút ra bài học kinh nghiệm.

c/Viết bài:

-Mở bài: Có 3 cách mở bài

+Đi thẳng vào vấn đề

+Đi từ cái chung đến cái riêng

+Suy từ tâm lý con người

- Thân bài: Dùng từ ngữ chuyển tiếp: đúng như vậy, thật vậy...,viết đoạn văn phân tích lí lẽ, viết đoạn văn dẫn chứng tiêu biểu.

-Kết bài: Dùng từ ngữ chuyển đoạn, kết bài phải hô ứng với mở bài

d/ Đọc và sửa chữa:

**II. BÀI TẬP**

**Bài tập (SGK/43) Học sinh đọc văn bản "Không sợ sai lầm"**

**1. Bài văn nêu luận điểm gì? Hãy tìm những câu mang luận điểm đó?**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Để chứng minh luận điểm của mình, người viết đã nêu ra những luận cứ nào? Những luận cứ ấy có hiển nhiên, có sức thuyết phục không?**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 87: LUYỆN TẬP LẬP LUẬN CHỨNG MINH**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**Đề bài : Chứng minh rằng nhân dân Việt nam từ xưa đến nay luôn luôn sống theo đạo lí “ Uống nước nhớ nguồn”.**

**1.Tìm hiểu đề và tìm ý:**

a) Tìm hiểu đề:

-Vấn đề cần chứng minh : Lòng biết ơn những người đã tạo ra thành quả - một đạo lí sống đẹp đẽ của dân tộc Việt Nam.

-Kiểu bài nghị luận chứng minh (đưa ra lí lẽ và dẫn chứng)

-Giới hạn của đề: trong đời sống từ xưa đến nay.

b)Tìm ý:

- Nội dung câu tục ngữ thể hiện truyền thống đạo lí gì của dân tôc?

-Truyền thống đạo lí ấy được thể hiện như thế nào từ xưa cho đến nay?

**2. Lập dàn ý:**

a) Mở bài : Câu tục ngữ thể hiện một truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta - Lòng biết ơn.

 b**)**Thân bài :

- Giải thích ý nghĩa hai câu tục ngữ : (nghĩa đen và nghĩa bóng), xác định luận điểm chính: Mọi giá trị vật chất tinh thần mà ta đang có đều từ thành quả lao động của người khác. Cần phải ghi nhớ biết ơn.

- Chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng : Đạo lí tốt đẹp đó tồn tại trong dân tộc ta từ xưa đến nay :

+ Không quên nguồn cội, nòi giống: Các lễ hội (hội Thánh Gióng, giỗ Tổ Hùng Vương 10/3, tục thờ cúng tổ tiên, ông bà…

+ Không quên những người đã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ quê hương, đất nước : Các bảo tàng lịch sử ghi nhớ công lao các vị anh hùng dân tộc, môn học lịch sử trong nền giáo dục vẫn được duy trì, các nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng …

+ Không quên những người đã dạy dỗ, giúp đỡ mình ( ngày lễ 20/11, ngày 27/2…)

 - Phê phán, đáng trách những người không góp phần giữ gìn đạo lí tốt đẹp ấy.

   c. Kết bài :

* Khẳng định ý nghĩa của câu tục ngữ đối với ngày hôm nay
* Khẳng định  cần giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp trong xã hội.

**3. Viết đoạn văn chứng minh ( HS dựa vào dàn ý để viết đoạn văn theo yêu cầu)**

**II. BÀI TẬP: Viết đoạn văn mở bài hoặc kết bài cho bài trên.**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH** ................................................................................................................................................................................................................................................................................................. ..........................................................................................................................................

**TIẾT 88**

 **ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

**I**.**NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Giới thiệu:**

**a/Tác giả, tác phẩm**:

-Tác giả:

+ Phạm Văn Đồng (1906- 2000), quê Đức Tân – Mộ Đức – Quảng Ngãi.

+ Là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn của đất nước.

- Tác phẩm: *Đức tính giản dị của Bác Hồ* trích từ bài “Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại”

**b/ Kiểu văn bản**:

- Nghị luận chứng minh, kết hợp bình luận, biểu cảm

- Nội dung : Đức tính giản dị của Bác Hồ.

**c/Bố cục:** 2 phần

- Mở bài: Đoạn 1(câu 1,2 chính + đoạn nhỏ 2)

- Thân bài: Còn lại

- Kết bài: Không có (vì đây là một đoạn trích)

 **2. Tìm hiểu văn bản**

**a/Giới thiệu chung về đức tính giản dị của Bác Hồ**:

 -Nhấn mạnh sự nhất quán giữa hai phẩm chất vĩ đại và giản dị của Bác Hồ *“ Đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn”.*

- Bác Hồ suốt đời “ *vẫn giữ nguyên phẩm chất cao quý của một người chiến sĩ cách mạng”,* Người đã sống và chiến đấu vì một lí tưởng cao quý “ *tất cả vì nước, vì dân*”.

**b/Những biểu hiện đức tính giản dị của Bác Hồ:**

-Giản dị trong sinh hoạt, lối sống, việc làm

+ Bữa cơm: chỉ vài ba món đơn giản, cách ăn cẩn trọng , gọn gàng.

+ Cái nhà sàn: vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng, luôn lộng gió và ánh sáng, hương thơm.

+Lối sống: Luôn tự mình làm việc, từ việc nhỏ đến việc lớn, ít cần đến người phục vụ. Trong cách đặt tên cho các đồng chí phục vụ.

-Giản dị trong lời nói và bài viết:

+ Dẫn chứng: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một…đổi…”

+ Đó là cách nói và viết trong sáng, dễ hiểu đi vào bản chất của vấn đề hay sự việc, tiếp câu với chân lí.

-Sự giản dị trong đời sống vật chất đi liền với đời sống tinh thần phong phú và cao đẹp – cuộc sống không màng hưởng thụ vật chất, không vì riêng mình. Đó là một đời sống văn minh và là một tấm gương sáng trong thế giới ngày nay.

**3.Tổng kết:**

**a/ Nghệ thuật:**

- Lí lẽ, dẫn chứng có sức thuyết phục, toàn diện.

- Dẫn chứng phong phú, cụ thể, xác thực.

- Kết hợp bình luận và biểu cảm.

**b/ Nội dung:**

**-**Giản dị là đức tính nổi bật ở Bác Hồ. Bác giản dị trên mọi phương diện. Ở Bác, sự giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹp.

**-**Chúng ta cần học tập và phát huy đức tính ấy.

**II. BÀI TẬP**

**1.Bài tập Tìm ví dụ để chứng minh sự giản dị trong thơ văn của Bác ?**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sống giản dị.**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 88 TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

 **SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Đọc tìm hiểu chú thích: SGK**

**2.Đọc hiểu nội dung văn bản**:

a/Nhận định về phẩm chất của Tiếng Việt:

-Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay

-Đủ khả năng diễn đạt tư tưởng, tình cảm của người Việt Nam.

- Thỏa mãn cho nhu cầu đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kì lịch sử.

-Lập luận:

+Ngắn gọn, rành mạch.

+Đi từ ý khái quát đến ý cụ thể.

+Tác dụng: người đọc dễ theo dõi, dễ hiểu

b/Biểu hiện giàu đẹp của tiếng Việt:

- Tiếng Việt đẹp như thế nào ?

+ Giàu chất nhạc, hài hòa về mặt âm hưởng thanh điệu.

+Tiếng Việt rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển...

-Tiếng Việt hay như thế nào ?

+Tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu, có đầy đủ khả năng diễn đạt tình cảm, tư tưởng con người.

+ Thỏa mãn các yêu cầu phát triển của đời sống văn hóa xã hội

**3. Tổng kết:**

a/ Nghệ thuật: Lí lẽ, chứng cứ chặt chẽ và toàn diện

b/ Nội dung:

* Làm rõ sự giàu có và đẹp đẽ của tiếng Việt trên nhiều phương diện.
* Tiếng Việt là một biểu hiện hùng hồn sức sống của dân tộc.
* *Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, làm cho nó phát triển ngày càng rộng khắp.*

**II. BÀI TẬP**

Bài tập 1(SGK/37) Sưu tầm, ghi lại những ý kiến nói về sự giàu đẹp, phong phú của tiếng Việt.

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Bài tập 2 (SGK/37) Tìm năm dẫn chứng thể hiện sự giàu đẹp của tiếng Việt (trong các tác phẩm thơ văn đã học, đã đọc)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

**TIẾT 89**

**BÀI CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Câu chủ động và câu bị động**:

**a/Câu chủ động**: là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác.(chỉ chủ thể của hoạt động)

VD: ***Mọi người*** *yêu mến em*

**b/ Câu bị động :** là câu có chủ ngữ chỉ người, vật bị (được) hoạt động của người, vật khác hướng vào. (chỉ đối tượng của hoạt động)

VD: ***Em*** *được mọi người yêu mến.*

**2/Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động**:

 Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động(và ngược lại, chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động) ở mỗi đoạn văn đều nhằm liên kết các câu trong đoạn thành một mạch văn thống nhất.

VD:

- *Thủy phải xa lớp ta, theo mẹ về quê ngoại.*

*Một tiếng “ồ” nổi lên kinh ngạc. Cả lớp sững sờ. Em tôi là đội trưởng, là “vua toán” của lớp từ mấy năm nay……………………, tin này chắc làm cho bạn bè xao xuyến*.

(1) ***Mọi người*** *yêu mến em*

(2) ***Em*** *được mọi người yêu mến.*

Trong phần ô trống ở trên, chọn điền câu (2) *"Em được mọi người yêu mến"* bởi vìcâu đứng trước câu cần lựa chọn, và cả đoạn văn đều đang nói về *Thuỷ (em)*. *Thuỷ (em)* trong đoạn này là đối tượng mà hoạt động hướng vào (được nói đến) chứ không phải là chủ thể của hoạt động. Cho nên, điền vào vị trí dấu ba chấm phải là câu bị động *"Em được mọi người yêu mến."* thì mới đảm bảo mối liên kết giữa các câu trong mạch chung của đoạn.

**3.Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:**

**-Cách 1**: Chuyển từ (hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu và thêm từ **bị** hay từ **được** vào sau từ (hoặc cụm từ) ấy.

Câu chủ động : *Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỉ XIII.*

Câu bị động: *Ngôi chùa ấy đã được một nhà sư vô danh xây từ thế kỷ XIII.*

-**Cách 2**: Chuyển từ (hoặc cụm từ) chỉ đối tượng của hoạt động lên đầu câu đồng thời lược bỏ hoặc biến từ (cụm từ) chỉ chủ thể của hoạt động thành bộ phận không bắt buộc trong câu.

Câu chủ động : *Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỉ XIII.*

Câu bị động *: Ngôi chùa ấy xây từ thế kỷ XIII.*

\*Chú ý: Không phải câu nào chứa từ **bị** hay **được** đều là câu bị động.

**II. BÀI TẬP**

**1.Bài tâp SGK/58 tìm câu bị động trong đoạn trích sau. Giải thích vì sao tác giả lại chọn cách viết như vậy?**

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương[7], trong hòm.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Bài tập SGK/65**

**a/Chuyển đổi mỗi câu dưới đây thành hai câu bị động theo hai kiểu khác nhau**

* Người ta làm tất cả cánh cửa chùa bằng gỗ lim.
* Chàng kị sĩ buộc con ngựa bạch bên gốc đào.
* Người ta dựng một lá cờ đại ở giữa sân.

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**b/ Viết đoạn văn ngắn nói về lòng say mê văn học của em hoặc về ảnh hưởng của một tác phẩm văn học đối với em, trong đó có dùng ít nhất một câu bị động**.

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 24, TIẾT 92**

**Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Đọc và tìm hiểu chú thích:**

**a/Giới thiệu tác giả, tác phẩm**

\*Tác giả:

- Hoài Thanh (1909- 1982) quê: Nghi Trung – Nghi Lộc – Nghệ An.

- Là một nhà phê bình văn học nổi tiếng ở Việt Nam.

- Được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn hoá nghệ thuật (2000)

- Tác phẩm nổi tiếng: Thi Nhân Việt Nam (1942)

\* Văn bản:

-Xuất xứ: trích trong cuốn Bình luận văn chương, NXB Giáo dục, 1988

- Kiểu văn bản: Nghị luận chứng minh một vấn đề văn học

- Nội dụng : ý nghĩa của văn chương đối với cuộc sống của con người.

**b/Bố cục:**

- Đoạn 1 đầu => “muôn vật, muôn loài”: nguồn gốc cốt yếu của văn chương.

- Đoạn 2: Còn lại: Phân tích, chứng minh ý nghĩa, công dụng của văn chương

**2.Đọc - tìm hiểu văn bản:**

**a/Nguồn gốc của văn chương**:

-Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người rộng ra là thương cả muôn vật, muôn loài.

-Văn chương phản ánh đời sống thậm chí còn sáng tạo ra đời sống. Sự sáng tạo này bắt nguồn từ cảm xúc yêu thương của nhà văn.

**b/Công dụng của văn chương:**

-Văn chương giúp con người có tình cảm và lòng vị tha.

-Góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn. (Biết thưởng thức, nhìn nhận cái đẹp, cái hay của cảnh vật, thiên nhiên, cuộc sống.)

**3.Tổng kết:**

**a/ Nghệ thuật** : Lối văn nghị luận vừa có lí lẽ, vừa có cảm xúc và hình ảnh.

**b/ Nội dung:**

* Khẳng định nguồn gốc cốt yếu của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha.
* Văn chương là hình ảnh của uộc sống muôn hình vạn trạng và sáng tạo ra sự sống, gây cho người đọc có tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có.
* Đời sống nhân loại nếu thiếu văn chương thì sẽ rất nghèo nàn.

**II. BÀI TẬP**

**Bài tập luyện tập SGK/63. Hoài Thanh viết: “ *Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có”*. Hãy dựa vào kiến thức văn học đã có, giải thích và tìm dẫn chứng để chứng minh cho câu nói đó.**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾT 92 TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

 **ÔN TẬP VĂN NGHỊ LUẬN**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC (HS hoàn thành nội dung ôn tập theo các đề mục)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên tác phẩm** | **Tác giả** | **Đề tài nghị luận** | **Luận điểm****chính** | **PP lập luận** | **Nghệ thuật** |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta: |  |  |  |  |  |
| Sự giàu đẹp của tiếng Việt: |  |  |  |  |  |
| Đức tính giản dị của Bác Hồ: |  |  |  |  |  |
| Ý nghĩa văn chương: |  |  |  |  |  |

**II. BÀI TẬP**

**Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa văn nghị luận và các thể loại tự sự, trữ tình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghị luận** | **Tự sự** | **Trữ tình** |
|  |  |  |

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 25, TIẾT 93**

**DÙNG CỤM CHỦ VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU**

**Tự học có hướng dẫn: Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu (Luyện tập)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Thế nào là dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu?**

Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị, làm thành phần câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

**2.Nhận biết cụm chủ vị trong câu**

Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm chủ - vị.

Ví dụ:

1. Khi mẹ về, cả nhà rất vui: cụm chủ-vị làm thành phần phụ ngữ trong cụm danh từ.
2. Cái bàn này chân đã gãy: cụm chủ vị làm thành phần vị ngữ

**II. BÀI TẬP**

**1.Xác định cụm chủ vị trong các câu sau và cho biết cụm chủ vị làm thành phần gì?**

a. Chị Ba đến khiến tôi rất vui và vững tâm.

b. Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta tinh thần rất hăng hái.

c. Trung đội trưởng Bính khuôn mặt đầy đặn.

d. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Viết đoạn văn ngắn từ 7-9 câu nói về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong đó có sử dụng cụm chủ vị để mở rộng câu.**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 **TIẾT 95 TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

 **TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

1. Thế nào là giải thích?

Trong đời sống, giải thích là làm cho ta hiểu những điều chưa biết.

2.Phép lập luận giải thích dùng để làm gì?

Làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng, đạo lí, phẩm chất…cần giải thích nhằm làm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tình cảm.

3.Các phương pháp giải thích: nêu định nghĩa, kể các biểu hiện, so sánh đối chiếu với các hiện tượng khác, chỉ ra mặt có lợi, có hại, nguyên nhân, hậu quả.

Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị, làm thành phần câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

II. BÀI TẬP

  Bài văn dưới đây giải thích vấn đề gì? Tác giả đã sử dụng phương pháp nào để giải thích?

LÒNG NHÂN ĐẠO

Lòng nhân đạo tức là lòng biết thương người. Thế nào là lòng biết thương người và thế nào là lòng nhân đạo?

Hằng ngày chúng ta thường có dịp tiếp xúc với đời sống bên ngoài, trước mắt chúng ta, loài người còn đầy rẫy những cảnh khổ. Từ một ông lão già nua răng long tóc bạc, lẽ ra phải được sống trong sự chăm sóc đùm bọc của con cháu, thế mà ông lão ấy phải sống kiếp đời hành khất sống bằng của bố thí của kẻ qua đường, đến một đứa trẻ thơ, quá bé bỏng mà lại sống bằng cách đi nhặt từng mẩu bánh của người khác ăn dở, thay vì được cha mẹ nuôi nấng, dạy dỗ…

Những hình ảnh ấy và thảm trạng ấy khiến cho mọi người xót thương, và tìm cách giúp đỡ. Đó chính là lòng nhân đạo.

Con người cần phải phát huy lòng nhân đạo của mình đối với mọi người xung quanh. Thánh Găng-đi có một phương châm: “Chinh phục được mọi người ai cũng cho là khó, nhưng tạo được tình thương, lòng nhân đạo, sự thông cảm giữa con người với con người lại càng khó hơn. Điều kiện duy nhất để tạo sự kính yêu và mến phục đối với quần chúng, tốt nhất là phải làm sao phát huy lòng nhân đạo đến cùng và tột độ vậy”.

 (Theo Lâm Ngữ Đường, Tinh hoa và xử thế)

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 25, TIẾT 96**

**CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Các bước làm bài văn giải thích:**

+Tìm hiểu đề, lập ý: Tìm vấn đề cần giải thích

+Lập dàn bài

+Viết bài văn nghị luận giải thích

+Đọc lại và sữa chữa bài

**2.Bố cục của bài văn lập luận giải thích**

+Mở bài: Nêu luận điểm cần được giải thích và gợi ra phương hướng giải thích

+Thân bài: Lần lượt trình bày các nội dung cần giải thích

+Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề

**II. BÀI TẬP**

Lập dàn ý cho bài văn nghị luận giải thích sau: Giải thích câu tục ngữ “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 26**

**TIẾT 97, 98**

**SỐNG CHẾT MẶC BAY**

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: LUYỆN TẬP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Vài nét về tác giả, tác phẩm**

-Phạm Duy Tốn: một trong những nhà văn mở đường cho nên văn xuôi quốc ngữ hiện đại Việt Nam.

-*Sống chết mặc bay* là một trong những truyện ngắn thành công nhất của ông.

**2. Phân tích tác phẩm**

**a. Nội dung cơ bản**

-Tác phẩm tái hiện bức tranh hiện thực:

+Tình cảnh nhân dân trong nạn lũ được miêu tả chân thực. Hoàn cảnh (một giờ đêm, ở chỗ đê xung yếu nhất) nói lên tình thế căng thẳng, cấp bách đe dọa cuộc sống người dân

+Sự lạnh lùng vô trách nhiệm của bọn quan lại, trong đó đáng chú ý nhất là quan phụ mẫu.

-Thái độ của tác giả đối với con người, sự việc trong truyện:

+Thể hiện sự đồng cảm, xót thương người dân trong cơn hoạn nạn

+Lên án thái độ tàn nhẫn của bọn quan lại

**b. Nghệ thuật**

-Xây dựng tình huống tương phản, tăng cấp, kết thúc bất ngờ, ngôn ngữ đối thoại ngắn gọn, sinh động

-Lựa chọn ngôi kể khách quan

-Lựa chọn ngôn ngữ kể, tả khắc họa sinh động tính cách nhân vật.

**c. Ý nghĩa văn bản**

Phê phán, tố cáo thói bàng quan vô trách nhiệm của bọn quan lại đồng thời xót xa thương cảm cho số phận của những người dân lao động.

**II. BÀI TẬP**

1.Cảm nghĩ của em về tình cảnh khổ cực của nhân dân qua văn bản *Sống chết mặc bay*

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ của nhân vật quan phụ mẫu và tính cách của y?**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**3.Cho đề văn: Em hiểu thế nào về câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Hãy lập dàn ý cho đề văn trên**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 26, TIẾT 99**

 **TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN:**

**NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU**

**CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu**

1.1.Vài nét cơ bản về tác giả, tác phẩm: Nguyễn Ái Quốc, Truyện ngắn viết bằng tiếng Pháp

1.2.Phân tích tác phẩm

a.Nội dung

- Chân dung nhà yêu nước vĩ đại Phan Bội Châu trong hoàn cảnh tù đày được khắc họa qua:

+Sự im lặng tuyệt đối trước những lời dụ dỗ, mua chuộc của Va-ren

+Nụ cười nhếch mép hay bãi nước bọt nhổ vào mặt Va-ren

- Chân dung Va-ren được vẽ lên như một nhà chính trị cáo già, lọc lõi, xảo quyệt

b.Nghệ thuật: -Xây dựng hình ảnh tương phản

-Giọng điệu mỉa mai, châm biếm

c.Ý nghĩa

-Vạch trần bản mặt xấu xa, đê hèn của Va-ren đồng thời khắc họa hình ảnh người chiến sĩ Phan Bội Châu kiên trung, bất khuất.

**2.Ca Huế trên sông Hương**

2.1.Vài nét cơ bản về tác giả, tác phẩm -Hà Ánh Minh

-Thể loại bút kí

2.2.Phân tích tác phẩm

a.Nội dung

-Khung cảnh và sân khấu đặc biệt của một buổi ca Huế trên sông Hương

-Ca Huế là một nét đẹp văn hóa truyền thống cần được nâng niu, giữ gìn

-Con người Huế có tâm hồn thanh lịch, tao nhã, kín đáo và giàu tình cảm; những người nghệ sĩ biểu diễn tài ba, điêu luyện.

b.Nghệ thuật -Viết theo thể bút kí

-Ngôn ngữ giàu hình ảnh và chất thơ

-Miêu tả âm thanh, cảnh vật, con người sinh động

c.Ý nghĩa: Ghi chép lại một buổi biểu diễn ca Huế trên sông Hương, tác giả bày tỏ lòng yêu mến, tự hào với di sản độc đáo của dân tộc.

**II. BÀI TẬP**

**1.Kể lại ngắn gọn các sự việc trong văn bản “Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu”**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Tại sao nói có thể nói nghe ca Huế là một thú vui tao nhã?**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................. ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 **TUẦN 26, TIẾT 100 LIỆT KÊ**

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Khái niệm liệt kê**: là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm.

**2.Các kiểu liệt kê:**

-Xét theo cấu tạo, có thể phân biệt liệt kê theo cặp với liệt kê không theo từng cặp

Vd: liệt kê theo cặp: Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy. (Hồ Chí Minh)

Liệt kê không theo cặp: Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần, lực lượng, tính mạng, của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.

-Xét theo ý nghĩa, có thể phân biệt kiểu liệt kê tăng tiến với liệt kê không tăng tiến.

Vd: Liệt kê tăng tiến: Tiếng Việt của chúng ta phản ánh sự hình thành và trưởng thành của xã hội và dân tộc Việt Nam, của tập thể nhỏ là gia đình, họ hàng, làng xóm và của tập thể lớn là dân tộc, quốc gia. (Phạm Văn Đồng)

Liệt kê không tăng tiến: Tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau nhưng đều chung một mầm non măng mọc thẳng. (Thép Mới)

Lưu ý: Liệt kê là một phép tu từ cú pháp. Cần phân biệt phép tu từ liệt kê (liệt kê nhằm tạo giá trị bổ sung cho lời nói, câu văn) với liệt kê thông thường.

**3.Tự học có hướng dẫn**: Tìm hiểu chung về văn bản hành chính: là loại văn bản dùng trong giao dịch hành chính, có tính khuôn mẫu, được trình bày, sắp xếp theo một trình tự nhất định. Ngôn ngữ của văn bản hành chính thường giản dị, dễ hiểu, đơn nghĩa.

**II. BÀI TẬP**

**1.Tìm phép liệt kê trong văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”**.

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**2.Viết đoạn văn ngắn cảm nhận vẻ đẹp của ca Huế trong đó có sử dụng phép liệt kê**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3.Kể tên một số loại văn bản hành chính thường gặp**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

……………………………………………………………………………………………..

**TUẦN 27, TIẾT 101**

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: QUAN ÂM THỊ KÍNH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Tìm hiểu chung**

-Thể loại: Chèo cổ

-Quan Âm Thị Kính là vở chèo nổi tiếng, đoạn trích thuộc phần đều của vở chèo

**2.Phân tích**

a.Nội dung

-Mâu thuẫn chủ yếu giữa Sùng bà và Thị Kính thực chất là mẫu thuẫn xã hội giữa người giàu và người nghèo.

-Thị Kính: nữ chính, đoan trang, hiền hậu, yêu thương chồng

-Sùng bà: mụ ác, tàn nhẫn

b.Nghệ thuật

-Tình huống tự nhiên

-Xây dựng nhân vật chủ yếu qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động

c.Ý nghĩa

Tái hiện chân thực mâu thuẫn xã hội đồng thời thể hiện số phận tội nghiệp của người phụ nữ trong xã hội cũ.

**II. BÀI TẬP**

Cảm nghĩ của em về số phận của người phụ nữ trong xã hội ngày xưa qua đoạn trích “Nỗi oan hại chồng”

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. ……………………………………………………………………

**TIẾT 102**

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN:**

**DẤU CHẤM LỬNG, DẤU CHẤM PHẨY, DẤU GẠCH NGANG**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Công dụng của chấm lửng**

-Tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết: VD: Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung…

-Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quảng: VD: Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!

-Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. VD: Cuốn tiểu thuyết được viết trên…bưu thiệp.

**2. Công dung của dấu chấm phẩy**

-Đánh dấu ranh giới của một vế câu ghép có cấu tạo phức tạp. VD: Cốm không phải thức quà của người ăn vội; ăn cốm phải ăn từng chút, thong thả và ngẫm nghĩ. (Thạch Lam)

-Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của một phép liệt kê có cấu tạo phức tạp. VD: Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu như sau: yêu nước, yêu nhân dân; trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; ghét bóc lột, ăn bám và lười biếng;…(Trường Chinh)

**3.Công dụng của dấu gạch ngang**

-Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. VD: Đẹp quá đi, mùa xuân ơi-mùa xuân của Hà Nội thân yêu […](Vũ Bằng)

-Đặt đầu dòng để đánh dấu lời nối trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê. VD: -Em chào cô ạ! (đánh dấu lời nói trực tiếp)

-Nối các từ nằm trong một liên danh. VD: Tàu Hà Nội – Vinh khởi hành lúc 9 giờ.

**4. Cần phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối**

-Dấu gạch nối không phải là một dấu câu, nó chỉ nối các tiếng trong một từ mượn gồm nhiều tiếng. VD: Va-ren, Pa-ri….

-Dấu gạch nối ngắn hơn dấu gạch ngang.

**II. BÀI TẬP**

**1.Trong mỗi câu có dấu chấm lửng dưới đây, dấu chấm lửng được dùng đề làm gì?**

a) - Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?

- Dạ, bẩm...

- Đuổi cổ nó ra!

(Phạm Duy Tốn)

b) Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bào nhau chứ sao lại...

(Đào Vũ)

c) Cơm, áo, vợ, con, gia đình... bó buộc y.

(Nam Cao)

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Nêu rõ công dụng của dấu chấm phẩy trong mỗi câu dưới đây:**

a) Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.

(Thép Mới)

b) Con sông Thái Bình quanh năm vỗ sóng òm ọp vào sườn bãi và ngày ngày vẫn mang phù sa bồi cho bãi thêm rộng; nhưng mỗi năm vào mùa nước, cũng con sông Thái Bình mang nước lũ về làm ngập hết cả bãi Soi.

(Đào Vũ)

c) Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ trông mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay.

(Hoài Thanh)

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3.Hãy nêu công dụng của dấu gạch ngang trong những câu**

a) Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhận kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng…

(Vũ Bằng)

b) Chỉ có anh lính dõng An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết – cái anh chàng ranh mãnh đó - rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

(Nguyễn Ái Quốc)

c) – Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! – Một chú bé con thầm thì.

- Ồ! Cái áo dài đẹp chửa! – Một chị con gái thốt ra.

(Nguyễn Ái Quốc)

d) Tàu Hà Nội – Vinh khởi hành lúc 21 giờ.

e) Thừa Thiên – Huế là một tỉnh giàu tiềm năng kinh doanh du lịch.

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 27, TIẾT 103**

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ, VĂN BẢN BÁO CÁO**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

 **1.Khái niệm văn bản đề nghị:**

Văn bản đề nghị được tạo lập để gửi lên các cấp có thẩm quyền để nêu ý kiến cá nhân hoặc tập thể về một nhu cầu, quyền lợi chính đáng của cá nhân hay tập thể đó.

**2.Đặc điểm của văn bản đề nghị:**

Văn bản đề nghị cần trình bày trang trọng, ngắn gọn, sáng sủa theo những mục quy định sẵn.

**3.Khái niệm văn bản báo cáo**

Báo cáo thường là bản tổng hợp trình bày về tình hình, sự việc và các kết quả đạt được của một cá nhân hay tập thể.

**4.Đặc điểm của văn bản báo cáo**

Bản báo cáo cần trình bày trang trọng, rõ ràng, sáng sủa theo một số mục quy định sẵn.

**II. BÀI TẬP**

**1.Phân biệt sự khác nhau giữa văn bản đề nghị và văn bản báo cáo.**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2.Viết một văn bản báo cáo hoặc đề nghị với nội dung phù hợp.**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 27, TIẾT 104**

**ÔN TẬP VĂN HỌC**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

1. Ca dao về tình cảm gia đình: Nhắc nhở về công ơn sinh thành (tình mẫu tử), tình anh em ruột thịt.

Ca dao về tình yêu quê hư­ơng đất n­ước, con ngư­ời: Thư­ờng nhắc đến tên núi, tên sông, tên đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hóa. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp là những bức tranh phong cảnh, tình yêu, lòng tự hào đối với con ngư­ời, quê hư­ơng, đất nước.

Những câu hát than thân: Bộc lộ những nỗi lòng tê tái, đắng cay, tủi nhục,... của ngư­ời dân lao động, đặc biệt là thân phận ngư­ời phụ nữ trong xã hội cũ.

Những câu hát châm biếm: Phê phán và chế giễu những thói hư­, tật xấu trong đời sống gia đình và cộng đồng bằng nghệ thuật trào lộng dân gian giản dị mà sâu sắc.

2.Tục ngữ: Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất: Phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quí báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện t­ượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.

Tục ngữ về con ng­ười và xã hội: Luôn tôn vinh giá trị con ng­ười, đư­a ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất và lối sống mà con ng­ười cần phải có.

3.Thơ: Các bài thơ trữ tình Việt Nam tập trung vào 2 chủ đề là tinh thần yêu nư­ớc và tình cảm nhân đạo:

+Nội dung là tình yêu nư­ớc chống xâm l­ược, lòng tự hào dân tộc và yêu chuộng cuộc sống thanh bình đ­ược thể hiện trong các bài thơ *Sông núi nư­ớc Nam, Phò giá về Kinh, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Tr­ường trông ra,...*

+Tình cảm nhân đạo còn thể hiện ở tiếng nói chán ghét chiến tranh phi nghĩa đã tạo nên các cuộc chia li sầu hận (Chinh phụ ngâm khúc), ở tiếng lòng xót xa cho thân phận "bảy nổi ba chìm" mà vẫn giữ vẹn "tấm lòng son" của ng­ười phụ nữ (Bánh trôi nư­ớc), ở tâm trạng ngậm ngùi tư­ởng nhớ về một thời đại vàng son nay chỉ còn vang bóng (Qua đèo Ngang).

+Các bài thơ trữ tình Việt Nam thời kì hiện đại thể hiện tình yêu quê h­ương đất n­ước, yêu cuộc sống (Cảnh khuya, Rằm tháng giêng), tình cảm gia đình qua kỉ niệm đẹp của tuổi thơ (Tiếng gà tr­ưa).

+Các bài thơ Đ­ường có nội dung ca ngợi vẻ đẹp và tình yêu thiên nhiên (Xa ngắm thác núi Lư­), tấm lòng yêu quê hư­ơng tha thiết (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê) và tình cảm nhân ái, vị tha (Bài ca nhà tranh bị gió thu phá).

4.Văn xuôi:

*a- Cổng trường mở ra (Lí Lan):*

- Tấm lòng th­ương yêu của ngư­ời mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà trư­ờng.

- Văn biểu cảm tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng.

*b-Mẹ tôi (Ét môn đô Ami xi):*

- Tấm lòng thư­ơng yêu lo lắng, sự hi sinh quên mình của ng­ười mẹ đối với con và tình th­ương yêu kính trọng thiêng liêng của ng­ươi con đối với mẹ.

- Văn biểu cảm qua hình thức 1 bức thư­ của ngư­ời bố gửi cho con.

*c- Cuộc chia tay của những con búp bê (Khánh Hoài):*

- Tình cảm gia đình là quí báu và quan trọng, hãy cố gắng giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc ấy.

-Văn tự sự có bố cục rành mạch và hợp lí.

*d-Một thứ quà của lúa non - Cốm (Thạch Lam):*

- Một phong vị, một nét đẹp văn hóa trong một thứ quà độc đáo mà giản dị của dân tộc.

- Tùy bút tinh tế, nhẹ nhàng, sâu sắc.

*e-Sài Gòn tôi yêu(Minh H­ương):*

- Nét đẹp riêng của ng­ười Sài Gòn và phong cách cởi mở, bộc trực, chân tình và sống tình nghĩa của ng­ười Sài Gòn

- Nghệ thuật biểu hiện cảm xúc của tác giả qua thể văn tùy bút.

*g-Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng):*

- Cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân ở Hà Nội và miền Bắc đ­ược cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ th­ương tha thiết của ng­ười xa quê h­ương.

- Văn tùy bút giàu hình ảnh gợi cảm.

*i-Sống chết mặc bay (Phạm Duy Tốn):*

- Lên án gay gắt bọn quan lại thực dân, phong kiến vô nhân đạo và bày tỏ niềm cảm thư­ơng vô hạn tr­ước cảnh cơ cực của ngư­ời dân qua việc cứu đê.

- Truyện ngắn hiện đại với nghệ thuật tư­ơng phản tăng cấp và lời kể, tả, bình sinh động, hấp dẫn.

*h-Ca Huế trên sông H­ương (Hà ánh Minh):*

- Vẻ đẹp của ca Huế, một hình thức sinh hoạt văn hóa- âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng quí.

*k-Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn ái Quốc):*

- Vạch trần bộ mặt giả dối và t­ính cách hèn hạ của bọn Thực dân Pháp, đồng thời ca ngợi nhân cách cao th­ượng và tấm lòng hi sinh vì dân, vì nư­ớc của ng­ười chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu.

- Truyện ngắn đ­ược h­ư cấu t­ưởng t­ượng qua giọng văn châm biếm, hóm hỉnh.

5.Văn nghị luận:

*a-Sự giàu đẹp của tiếng Việt (Đặng Thai Mai):*

 -Cái đẹp của Tiếng Việt là sự cân đối, hài hòa về nhịp điệu, về âm h­ưởng, về thanh điệu: "Miền Nam là máu của Việt Nam, thịt của Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi" (HCM).

 -Cái hay của Tiếng Việt đư­ợc thể hiện ở sự uyển chuyển tế nhị trong cách dùng từ, đặt câu, biểu thị đ­ược sự phong phú, sâu sắc trong tình cảm của con ng­ười: "Hỡi cô tát n­ước bên đàng, Sao cô tát ánh trăng vàng đổ đi" (ca dao ).

 -Tóm lại, cái hay và cái đẹp của Tiếng Việt là biểu thị sự hùng hồn sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam.

*b-Ý nghĩa văn ch­ương (Hoài Thanh):*

*-ý nghĩa văn chư­ơng* là "hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống". Nguồn gốc của văn ch­ương "cũng là giúp cho tình cảm và gợi lên lòng vị tha". Nghĩa là văn học có chức năng phản ánh hiện thực, nâng cao nhận thức, giúp ng­ười đọc "hình dung sự sống muôn hình vạn trạng" đó là điều kì diệu của văn thơ.

 -Văn ch­ương "gây cho ta những tình cảm ta không có luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có ". Ví như­ th­ương ng­ười, yêu quê hương, say mê học tập, lao động, mơ ư­ớc v­ươn tới chân trời bao la... Những tình cảm ấy là do cuộc sống và văn chư­ơng bồi đắp cho tâm hồn.

 -Văn ch­ương còn làm cho cuộc đời thêm đẹp, thêm phong phú hơn như­ tác giả đã viết: "Cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn ch­ương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần". Ví dụ: "Tôi yêu non xanh, núi tím, tôi yêu đôi mày ai nh­ trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ư­ớc mơ, nh­ưng tôi yêu nhất mùa xuân" (Vũ Bằng)

**II. BÀI TẬP**

1.Nêu đặc điểm của các thể thơ trung đại đã học

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Thế nào là nghệ thuật tương phản và tăng cấp. Làm rõ đặc điểm nghệ thuật qua văn bản “Sống chết mặc bay”.

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

3.Tại sao nói văn chương là hình dung của sự sống?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

4.Em hiểu gì về nhan đề “Sống chết mặc bay”?

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 28 TIẾT 105**

 **BÀI: ÔN TẬP VĂN HỌC**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

1.Một số khái niệm thể loại liên quan đến đọc hiểu văn bản như ca dao, dân ca, tục ngữ, thơ trữ tình, thơ Đường Luật, Thơ lục bát, thơ song thất lục bát; phép tương phản phép tăng cấp trong nghệ thuật ( ở bài sống chết mặc bay)

 - Sơ giản về thơ Đường Luật.

 - Hệ thống Văn bản đã học, nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại ở từng văn bản.

2. Bảng hệ thống kiến thức.

|  |  |
| --- | --- |
| ***CÁC THỂ LOẠI*** | ***ĐỊNH NGHĨA*** |
| Ca dao , dân ca |  - Là các khái niệm chỉ các thể loại trữ tình dân gian , kết hợp với lời và nhạc, diễn tả nội tâm con người. Ca dao là lời thơ của dân ca. Dân ca là sáng tác kết hợp lời và nhạc . |
| Tục ngữ | - Là những câu nói dân gian ngắn ngọn , ổn định có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt. |
| Thơ trữ tình |  - Phản ánh cuộc sống bằng cảm xúc trực tiếp của người sáng tác. Văn bản thơ trữ tình thường có vần điệu, nhịp điệu ngôn ngữ cô đọng, mang tính cách điệu cao  |
| Thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luật | - 7 tiếng / 4 câu ; 4 câu / bài ; 28 tiếng / bài - Kết cấu : câu 1 khai , câu 2 thừa , câu 3 : chuyển ; câu 4 : hợp - Nhịp ¾ hoặc 2/2/3- Vần : chân (7) , liền ( 1-2) , cách ( 2-4 ) |
| Thơ ngữ ngôn tứ tuyệt Đường Luật | - 5tiếng / câu ; 4 câu / bài ; 20 tiếng / bài - Nhịp 3/2 hoặc 2/3- Có thể gieo vần trắc  |
| Thơ thất ngôn bát cú | - 7 tiếng / câu ; 8 câu / bài - Vấn bằng , trắc , chân (7), liền(1-2) , cách (2-4-6-8) |
| Thơ song thất lục bát | - Mỗi khổ 4 câu , 2 câu 7 tiếng ( song thất ) tiếp 1 cặp 6-8 ( lục bát)- Vần 2 câu song thất : vần lưng (7-5), vần trắc - Nhịp ở 2 câu 7 tiếng là ¾ hoặc 3/2/2 |

3. Các văn bản nghị luận đã học kì II

-Đức tính giản dị của Bác Hồ

- Ý nghĩa văn chương

-Tinh thần yêu nước của nhân dân ta

**II. BÀI TẬP**

**1.Soạn và trả lời câu hỏi 3,5,9 SGK trang 128-129**.

(Tham khảo gợi ý để viết thành đoạn văn:

*Câu hỏi 3:*

 Những tình cảm, thái độ được thể hiện trong các bài ca dao – dân ca đã học là : nhớ thương, kính yêu, than thân, trách phận, buồn bã, hối tiếc, tự hào, biết ơn (trữ tình ), trâm biếm, hài hước, dí dỏm, đã kích

*Câu hỏi 5:*

- Những giá trị tư tưởng, tình cảm thể hiện trong các bài thơ, đoạn thơ trữ tình của VN và TQ đã học đó là : Lòng kính yêu và tự hào dân tộc; ý chí bất khuất, kiên quyết đánh bại mọi quân xâm lược; ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên; ca ngợi tình bạn chân thành, tình cảm vợ chồng chung thuỷ.

- Phân tích tác dụng của việc học Ngữ văn lớp 7 theo hướng tích hợp

- Hiểu kỉ từng phân môn hơn trong mối liên hệ chặt chẽ và đồng bộ giữa Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn.

- Nói và viết đỡ lúng túng hơn; ứng dụng ngay ở những kiến thức, kỹ năng của phân môn này để học tập phân môn kia.

- VD : kĩ năng đưa vào trình bày dẫn chứng trong văn bản nghị luận chứng minh qua văn bản chứng minh mẫu mực Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

Câu 9:

+Hiểu kỹ từng phân môn hơn trong mối liên hệ chặt chẽ giữa VN - TV -TLV.

+ Nói, viết đỡ lúng túng. Ứng dụng kiến thức, kỹ năng của phân môn này để học phân môn kia)

1...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... …………………………………………………………………………………

3. ..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 28 TIẾT 106**

 **BÀI: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

1. Ôn lại lí thuyết Các kiểu câu đơn. Công dụng của dấu gạch ngang, dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy. Các phép biến đổi câu. Các phép tu từ cú pháp.

a.Các kiểu câu đơn :

\*Câu phân theo mục đích nói:

- Câu nghi vấn; Câu trần thuật; Câu cầu khiến; Câu cảm thán;

b.Câu phân theo cấu tạo :

- Câu bình thường; Câu đặc biệt

c. Công dụng của dấu câu :

- Dấu chấm; Dấu phẩy; Dấu chấm phẩy; Dấu chấm lửng; Dấu chấm lửng;

d. Các phép biến đổi câu :

- Rút gọn câu; Câu đặc biệt; Thêm trạng ngữ cho câu; Dùng cụm chủ vị làm thành phần câu; Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động

e. Các phép tu từ cú pháp :

- Liệt kê

**II. BÀI TẬP** :

**1. Bài tập 1***:* **Điền dấu gạch ngang vào chỗ thích hợp trong đoạn ví dụ sau:**

\* Hoa hỏi Hồng:

 Dàn bài một bài văn lập luận giải thích có mấy phần?

Hồng trả lời:

 À, dàn bài một bài văn lập luận giải thích gồm có ba phần:

 Phần mở bài

 Phần thân bài

 Phần kết bài.

**2. Bài tập 2: Thế nào là câu đặc biệt ? Cho vd *?* Câu đặc biệt thường được dùng trong những tình huống nào ? Cho vd**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**3. Bài tập 3: Viết một đoạn văn (chủ đề về mùa hè) trong đó sử dụng ít nhất 4 loại dấu đã học.**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ **III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 28 TIẾT 107, 108:**

**LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ VÀ BÁO CÁO**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

1. **Ôn lại lí thuyết về văn bản báo cáo, đề nghị**
2. **Mục đích của vb đề nghị và văn bản báo cáo**

**II.BÀI TẬP.**

**Bài tập 1:** Em hãy viết một văn bản đề nghị với nội dung sau: Do dịch bệnh Covid-19 nên việc học bị gián đoạn, em muốn đề nghị cô giáo Ngữ văn ra bài tập về nhà qua mail hoặc zalo để các em luyện tập thêm.

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Bài 2:** Sau một tháng các cô giáo ra bài tập trên mail cho các em luyện tập, cô chủ nhiệm yêu cầu em viết báo cáo tình hình học tập của em?

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 **III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 29 TIẾT 109, 110**

 **ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Văn Biểu Cảm**

*?* Em hãy nhắc lại thế nào là văn biểu cảm? Hãy nhắc lại tên các văn bản biểu cảm đã được học và đọc trong chương trình Ngữ văn 7?

**2. Văn nghị luận :**

Em hãy nhắc lại thế nào là văn nghị luận? Hãy nhắc lại tên các văn bản nghị luận đã được học và đọc trong chương trình Ngữ văn 7?

**II.BÀI TẬP**

**1.Hãy nối các cột A khớp với cột B**

 Cột A Cột B

|  |  |
| --- | --- |
| Mục đích biểu cảm | -Nội dung cảm xúc, tâm trạng, tình cảm và đánh giá, nhận xét của người viết.  |
| Phương tiện biểu cảm | - Cho người đọc thấy rõ nội dung biểu cảm và đánh giá của người viết.  |
| Nội dung văn biểu cảm | - Câu cảm thán, so sánh, tương phản, câu hỏi tu từ, trực tiếp biểu hiện cảm xúc tâm trạng , điệp từ . |

**2.Hoàn thiện nội dung cho các phần của bố cục bài văn biểu cảm**

|  |  |
| --- | --- |
| Mở bài | …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |
| Thân bài | …………………………………………………………………………………………………............................................................................................................……………………………………………………………………………………. |
| Kết bài | ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 29 TIẾT 111 CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

Từ ngữ địa phương và tính cách con người xứ Quảng qua các tác phẩm văn học của các nhà văn, nhà thơ địa phương.

**I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

1. Từ ngữ địa phương: Từ của địa phương Quảng Nam- Đà Nẵng

2. Từ ngữ phát âm theo giọng địa phương.

3. Tính cách con người xứ Quảng qua các tác phẩm văn học.

**II. BÀI TẬP**

1.Em hãy tìm 20 từ địa phương của người QN-ĐN?

2.Những từ ngữ nào phát âm trại đi theo giọng QN-ĐN? Theo em vì sao có sự khác biệt đó?

3.Hãy kể tên 5 tác phẩm thơ văn của các tác giả QN-ĐN viết về con người xứ Quảng. Từ đó hãy nhận xét chung về tính cách con người xữ Quảng?

1........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

3................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

...............................................................................................................................................

 **TUẦN 29 TIẾT 112 ÔN TẬP HỌC KỲ**

**I. Phần văn bản:**

\*Nắm được tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt và giá trị nội dung, nghệ thuật trong các văn bản (ghi nhớ trong SGK) để hiểu ý nghĩa và giá trị các văn bản đã học (trừ các văn bản HDHT và THCHD):

1. Hai bài về tục ngữ

2. Ba văn bản nghị luận: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, Đức tính giản dị của Bác Hồ, Ý nghĩa văn chương

3. Văn bản truyện: Sống chết mặc bay

4. Văn bản nhật dụng: Ca Huế trên sông Hương

\* Biết nêu cảm nhận, ý kiến đánh giá về 1 câu tục ngữ, một nhân vật, chi tiết trong truyện hoặc 1 vấn đề được đưa ra bàn luận trong văn bản NL bằng cách trình bày dưới dạng đoạn văn ngắn.

Như: - Trình bày nhận xét đánh giá của em về tên quan phụ mẫu trong “Sống chết mặc bay”? Tại sao nói tên quan phụ mẫu là “lòng lang dạ thú” ?

- Đặc điểm của ca Huế? Tại sao gọi Ca Huế là một thú vui tao nhã, cảm nhận của em về Ca Huế?

- Bài học sâu xa trong các câu tục ngữ sau là gì?

+ Thương người như thể thương thân

+ Học ăn học nói học gói học mở

+ Đói cho sạch, rách cho thơm

**II. Phần Tiếng Việt:**

1. Học thuộc và nắm vững các khái niệm, ghi nhớ (SGK) về các bài: Rút gọn câu, Câu đặc biệt, Thêm trạng ngữ cho câu, Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động, Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu, Liệt kê , các loại dấu câu đã học.

2. Làm lại các bài tập ở SGK của các bài trên

3. Viết câu có phép liệt kê, dấu chấm lửng, dấu gạch ngang, câu có trạng ngữ, câu có cụm chủ vị….

**III. Phần tập làm văn:**

1. Nắm vững đặc điểm, cách làm bài văn nghị luận theo lập luận chứng minh; lập luận giải thích

2. Lập dàn ý, viết bài văn nghị luận cho các đề ở SGK.

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................